

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4647/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 31 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Chương trình Khuyến nông tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông;


Căn cứ Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai, Quy định một số mức chi cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số: 221/TTr-SNN ngày 15/12/2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình Khuyến nông tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022 - 2025 (có chương trình chi tiết kèm theo).

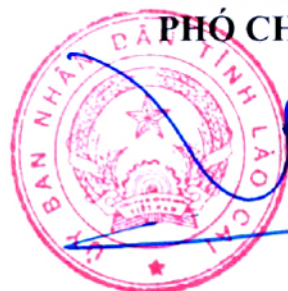
Điều 2: Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện chương trình đúng theo quy định.

Điều 3: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Lao động - Thương binh và xã hội, Thông tin và Truyền thông, UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Trung tâm Khuyến nông và dịch vụ nông nghiệp tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. 

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Trung tâm Khuyến nông quốc gia;
- CT, các PCT;
- Như điều 3 QĐ;
- Công TTĐT tỉnh;
- CVP, các PCVP;
- Lưu VT, TH, NLN2.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Quốc Khánh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH
KHUYẾN NÔNG TỈNH LÀO CAI GIAI ĐOẠN 2022-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~4647~~ **4647**/QĐ-UBND
ngày **31** / **12** / 2021 của UBND tỉnh Lào Cai)

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Căn cứ pháp lý

- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông;
- Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ;
- Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 01/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”;
- Quyết định số 712/QĐ-TTg, ngày 12/6/2018 của Thủ tướng chính phủ, ban hành chương trình hành động Quốc gia “không còn nạn đói” ở Việt Nam đến năm 2025;
- Quyết định 1360/QĐ-BNN-KHCN ngày 24/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Chương trình Khuyến nông trung ương giai đoạn 2020-2025;
- Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai, ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai;
- Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND, ngày 10/7/2020, của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai, Quy định một số mức chi cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Lào Cai;
- Nghị quyết số 23/2020/NQ-HĐND, ngày 04/12/2020, của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai, Quy định chính sách khuyến khích ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Lào Cai;
- Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 26/8/2021 của Ban thường vụ Tỉnh Ủy Lào Cai về Chiến lược phát triển nông nghiệp hàng hóa tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Đề án số 01-ĐA/TU, ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy về phát triển nông, lâm nghiệp, sắp xếp dân cư, xây dựng nông thôn mới tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 654/QĐ-UBND, ngày 28/2/2018, của UBND tỉnh Lào Cai, phê duyệt Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển nông nghiệp tỉnh Lào Cai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ các văn bản quy định quản lý tài chính và định mức kinh tế kỹ thuật nông, lâm, ngư nghiệp hiện hành.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Huy động, lồng ghép các nguồn lực để tập trung tuyên truyền, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và tư vấn dịch vụ phát triển sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị thu nhập cho nông dân góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 26/8/2021 của Ban thường vụ Tỉnh Ủy Lào Cai về Chiến lược phát triển nông nghiệp hàng hóa tỉnh Lào Cai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Đề án số 01-ĐA/TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo

- Tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn: 12.390 người theo Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 16/01/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về Đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2021 và giai đoạn 2021 - 2025.

- Tập huấn cho đối tượng chuyển giao:

+ Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho viên chức thực hiện công tác khuyến nông chuyên trách nhằm tiếp cận và sử dụng thành thực những kiến thức về tiến bộ KHKT mới: 360 người (12 lớp), gồm kỹ thuật các chuyên ngành: Lâm nghiệp, Trồng trọt, Chăn nuôi - Thú y, Thủy sản, Bảo quản chế biến nông sản.

+ Tập huấn TOT cho 600 người làm công tác khuyến nông cơ sở (20 lớp). Tập chung rèn luyện kỹ năng hoạt động khuyến nông, phương pháp truyền đạt cho người học lớn tuổi, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn và kỹ năng mềm trong tổ chức lớp tập huấn cho nông dân.

+ Đào tạo và cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho đội ngũ cán bộ, kỹ thuật viên để bổ sung lực lượng giảng viên tham gia đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn: 150 người (5 lớp).

- Tập huấn cho đối tượng nhận chuyển giao: thực hiện 40 lớp/1200 học viên trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố. Căn cứ vào mục tiêu phát triển

nông nghiệp của từng vùng để tổ chức các lớp tập huấn cho đối tượng nhận chuyển giao đảm bảo sát với thực tế và đạt hiệu quả.

2.1. Thông tin, tuyên truyền

- Thực hiện chuyên mục khuyến nông trên sóng truyền hình, chuyên mục khuyến nông trên báo địa phương hàng tuần; Xây dựng 192 chuyên mục, chuyên đề tuyên truyền trên báo Lào Cai (48 CM/năm), Cổng thông tin điện tử, dung lượng 01 trang trở lên;

- Xuất bản Bản tin khuyến nông hàng quý cấp phát đến các thôn, bản (4 số/năm); tài liệu tuyên truyền phổ biến kiến thức về sản xuất;

- Chuyển đổi số: Xây dựng tài liệu kỹ thuật điện tử; Website Trung tâm Khuyến nông và DVNN Lào Cai, Bản tin khuyến nông điện tử; phần mềm ứng dụng (APP) Khuyến nông Lào Cai chạy trên điện thoại di động, máy tính bảng..., xây dựng Brandname Khuyến nông Lào Cai trên ứng dụng mạng xã hội (Zalo, Facebook) hoặc tin nhắn SMS để cung cấp những thông tin thiết yếu phục vụ sản xuất, phòng chống dịch bệnh, thiên tai, thời tiết... đồng thời xây dựng cơ sở dữ liệu để phục vụ tra cứu, tham khảo, tư vấn, hỏi đáp, thông tin tuyên truyền, giao tiếp trực tiếp với doanh nghiệp, HTX, người sản xuất...;

- Tổ chức và tham gia các cuộc đối thoại, hội thảo, diễn đàn, hội chợ XTTM và nghiên cứu, học tập kinh nghiệm tổ chức liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

- + Tổ chức ít nhất 40 cuộc đối thoại chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân. Trong đó 36 cuộc cấp huyện, 04 cuộc cấp tỉnh (ít nhất mỗi năm tổ chức 09 cuộc cấp huyện tại 09 huyện, TP, TX và 01 cuộc cấp tỉnh);

- + Tham gia XTTM nông sản tại 16 hội chợ nông nghiệp cấp vùng và cấp Quốc gia (mỗi năm 04 cuộc);

- + Tổ chức 08 cuộc đưa nông dân đi học tập kinh nghiệm sản xuất thực tế (mỗi năm 02 cuộc);

- + Tham gia các cuộc hội thảo, diễn đàn khuyến nông do Bộ nông nghiệp và Trung tâm Khuyến nông Quốc gia tổ chức;

Đến năm 2025 cơ bản các sản phẩm, hàng hóa nông nghiệp sản xuất theo chuỗi đặc hữu của địa phương được quảng bá, giới thiệu thông qua các phương tiện thông tin đại chúng.

2.3. Xây dựng và nhân rộng mô hình trình diễn, dự án khuyến nông

(1) Xây dựng 30 dự án, mô hình về sản xuất nông nghiệp ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại. Các địa bàn còn lại xây dựng 20 mô hình/dự án. Chú trọng cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện đất đai, thổ nhưỡng, dân trí của người dân, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất... nhằm phát triển sản xuất các sản phẩm chủ lực trong trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản, gồm: chè, dược liệu, chuối, dưa, quế, lợn

bản địa, kinh tế đồi rừng và các sản phẩm tiềm năng của các địa phương (rau, hoa, cây ăn quả ôn đới, thủy sản nước lạnh, gia súc, gia cầm...) hiệu quả về kinh tế gia tăng từ 10% giá trị trở lên sau khi ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; có liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, chứng nhận, truy xuất nguồn gốc, gắn với tiêu thụ sản phẩm; tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh hiệu quả và bền vững.

(2) Xây dựng 32 mô hình/dự án ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nhằm chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, ứng dụng công nghệ cao... hỗ trợ các xã phấn đấu về đích nông thôn mới, giai đoạn 2022 - 2025.

(3) Xây dựng 60 mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp giúp tạo ra phương thức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm đạt hiệu quả cao, tạo ra các mối quan hệ sản xuất, lưu thông mới... Hiệu quả về kinh tế tăng từ 15% giá trị trở lên so với sản xuất nhỏ lẻ, cá thể.

2.4. Công tác tư vấn dịch vụ khuyến nông

(1) Ứng dụng công nghệ thông tin tư vấn hỗ trợ về sản xuất nông nghiệp: Thành lập tổ tư vấn trợ giúp các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp được tư vấn về các cơ chế chính sách của nhà nước về phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; tư vấn hỗ trợ về kỹ thuật sản xuất nông nghiệp...thông qua các ứng dụng, app;

(2) Xây dựng năng lực cung cấp dịch vụ khuyến nông chuyên nghiệp, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường tại tỉnh Lào Cai;

(3) Thí điểm thực hiện một số gói dịch vụ điểm bằng nguồn kinh phí ngân sách địa phương, sử dụng thí điểm các gói sản phẩm dịch vụ nông nghiệp: dịch vụ thành lập và đào tạo quản lý/vận hành tổ nhóm nông dân (Tổ hợp tác), Hợp tác xã; dịch vụ chuyển giao khoa học kỹ thuật, xây dựng mô hình nông nghiệp, thúc đẩy kinh doanh, ứng dụng sản xuất/chăn nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP (nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản), hữu cơ, rainforest alliance; dịch vụ tuyên truyền, tư vấn xây dựng thương hiệu sản phẩm; dịch vụ tư vấn lập dự án đầu tư. Sau khi đánh giá kết quả thực hiện thành công, AESC sẽ tổ chức hội thảo (chào hàng) với các đối tác khách hàng để cung cấp dịch vụ;

(4) Tăng cường các hoạt động tư vấn kết nối doanh nghiệp liên kết tiêu thụ sản phẩm, bảo hiểm sản xuất, kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến thu mua, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm... (trong đó chú trọng duy trì, mở rộng, phát triển sản xuất nông nghiệp Organic hoặc nông nghiệp bền vững);

(5) Đẩy mạnh các hoạt động tư vấn: Hỗ trợ các tổ, nhóm nông dân thông qua việc thiết kế, in logo, bao bì, tem nhãn, mã QR-CODE nhãn hiệu nông sản, hàng hóa gắn với tiêu thụ nông sản;

(6) Đẩy mạnh hoạt động dịch vụ Khuyến nông giới thiệu các sản phẩm, thiết bị ứng dụng công nghệ mới và an toàn sinh học đến người dân trên địa bàn tỉnh;

(7) Thực hiện các dịch vụ liên kết sản xuất hàng nông sản theo hợp đồng 3 bên “Doanh nghiệp - Nông dân - Khuyến nông”;

(8) Tổ chức hoặc tham gia các cuộc kết nối cung cầu tiêu thụ nông sản tại các vùng miền trong cả nước;

(9) Tổ chức các hoạt động tư vấn và dịch vụ thúc đẩy ứng dụng cơ giới hoá và các thiết bị thông minh trong nông nghiệp.

2.5. Hợp tác quốc tế về khuyến nông

Tổ chức trao đổi kinh nghiệm khuyến nông và khoa học công nghệ với các tổ chức, chuyên gia quốc tế theo quy định của pháp luật.

Nâng cao năng lực, trình độ cho người làm công tác khuyến nông thông qua chương trình hợp tác quốc tế và chương trình khảo sát học tập nước ngoài.

Các chương trình hợp tác về khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp từ nước ngoài vào Việt Nam và từ Việt Nam ra nước ngoài theo quy định.

Giai đoạn 2022 - 2025, đề xuất phối hợp triển khai từ 4-5 dự án, kế hoạch hợp tác với các tổ chức phi chính phủ; trong đó chú trọng nâng cao năng lực và phương pháp tiếp cận về thị trường, bình đẳng giới, thúc đẩy kinh doanh (ngành hàng chủ lực) theo chuỗi giá trị.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ và giải pháp chung

- Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; đẩy mạnh áp dụng các phương pháp tiếp cận tiên tiến, có sự tham gia của người dân để nâng cao hiệu quả công tác khuyến nông.

- Bám sát quy hoạch, mục tiêu các Đề án, chiến lược, chương trình phát triển sản xuất nông nghiệp, kế hoạch hoạt động khuyến nông Trung ương, đặc biệt là các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, đào tạo nghề cho lao động nông thôn...để xác định sản phẩm chủ lực, vùng sản xuất hàng hóa tập trung và xây dựng kế hoạch hoạt động khuyến nông hàng năm của từng cấp (xã, huyện, tỉnh).

- Ưu tiên hoạt động khuyến nông ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn; Ưu tiên phụ nữ, người dân tộc thiểu số; tổ chức có tỷ lệ cao về nữ hoặc người dân tộc thiểu số tham gia hoạt động khuyến nông.

- Chú trọng đề xuất cơ chế, chính sách huy động nguồn lực, khuyến khích thu hút các tổ chức xã hội tham gia nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả, nghĩa vụ trách nhiệm trong công tác khuyến nông.

2. Nhiệm vụ và giải pháp cụ thể

2.1. Đối với hoạt động Thông tin, tuyên truyền:

- Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ viên chức làm công tác thông tin tuyên truyền và cộng tác viên.

- Xây dựng quy chế chi trả nhuận bút, thù lao ở mức phù hợp nhằm khuyến khích, thu hút được nhiều hơn cộng tác viên tham gia viết tin, bài, phối hợp trong hoạt động thông tin, tuyên truyền.

- Cải thiện chế độ chi trả nhuận bút, thù lao nhằm thu hút được nhiều hơn cộng tác viên tham gia viết tin, bài, phối hợp trong các hoạt động thông tin tuyên truyền.

- Chuyển đổi số trong hoạt động tuyên truyền, trang bị hạ tầng công nghệ thông tin; Nâng cấp đồng bộ hệ thống mạng LAN, Internet, máy tính, phần mềm office và triển khai ứng dụng phần mềm bảo đảm an toàn thông tin mạng cho các đơn vị thực hiện quản lý và triển khai các nội dung của ngành nông nghiệp;

- Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực công nghệ thông tin, chuyển đổi số; Xây dựng và duy trì Website về công tác khuyến nông, phần mềm ứng dụng (APP) phục vụ tuyên truyền, chuyên giao tiến bộ KHKT; Xây dựng cơ sở dữ liệu về công tác khuyến nông, tài liệu số về kỹ thuật sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.

- Lựa chọn chủ đề, nội dung thiết thực tổ chức các sự kiện như hội thảo, hội thi, diễn đàn, tọa đàm, đối thoại, triển lãm về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; tổ chức đoàn đi nghiên cứu, học tập kinh nghiệm liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

2.2. Đối với hoạt động Đào tạo và tập huấn

- Nâng cao chất lượng công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn theo hướng đào tạo gắn với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của từng địa phương; đào tạo nghề cho lao động trong vùng sản xuất hàng hóa tập chung có liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp, hợp tác xã; đào tạo nâng cao kiến thức nghề cho lao động nông thôn đã qua đào tạo sơ cấp và dưới 3 tháng. Áp dụng phương pháp đào tạo gắn lý thuyết với thực hành tại hiện trường, lấy thực hành làm trọng tâm đào tạo để nâng cao kỹ năng thao tác kỹ thuật cho lao động nông thôn, đặc biệt là với các đối tượng hạn chế về khả năng đọc, viết. Tạo cơ chế thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Hàng năm đào tạo bổ sung đội ngũ giảng viên để đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo theo kế hoạch đề ra.

- Thường xuyên đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức làm công tác khuyến nông ở cơ sở, cộng tác viên khuyến nông và nông dân nòng cốt, tiêu biểu để làm hạt nhân tuyên truyền, hướng dẫn thực hành sản xuất.

2.3. Đối với công tác Xây dựng và nhân rộng mô hình trình diễn, dự án khuyến nông

- Bám sát quy hoạch, xác định nhu cầu thị trường, hiệu quả, sản lượng hàng hóa... để lựa chọn những mô hình nông nghiệp phù hợp, đạt hiệu quả kinh tế, có triển vọng để triển khai thực hiện.

- Rà soát, cập nhật, chọn lọc các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới, tiên tiến, các loại giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện địa phương gắn với các hình thức tổ chức sản xuất mới, các hình thức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, cánh đồng lớn, bảo vệ môi trường bền vững... Ưu tiên xây dựng và nhân rộng các mô hình, dự án về ứng dụng công nghệ cao, GAP, GAHP, có chứng nhận hữu cơ, nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái, kinh tế nông nghiệp tuần hoàn...

- Tuyên truyền cho người dân vai trò của việc tổ chức quản lý sản xuất trong nông nghiệp, ưu tiên thành lập các tổ nhóm hoặc Tổ hợp tác làm tiền đề thành lập HTX dịch vụ nông nghiệp kiểu mới.

- Trong quá trình xây dựng và nhân rộng các mô hình, cán bộ khuyến nông từ tỉnh, huyện đến cơ sở sẽ chọn lọc các hộ dân có khả năng để thực hiện mô hình, hướng dẫn các hộ ghi chép trong quá trình triển khai, thường xuyên kiểm tra tiến độ và đánh giá rút kinh nghiệm cho các hộ khác tham gia. Cùng với đó, luôn chú trọng đẩy mạnh công tác tuyên truyền về hiệu quả cũng như các phương pháp để nhân rộng các mô hình nông nghiệp đạt hiệu quả kinh tế cao thông qua hệ thống truyền thanh của cấp xã và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2.4. Đối với hoạt động Tư vấn dịch vụ và Hợp tác quốc tế về khuyến nông

Tỉnh giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng Trung tâm Khuyến nông tỉnh xây dựng Tổng đài tư vấn nông nghiệp, tư vấn trực tiếp, qua phương tiện truyền thông, diễn đàn, đối thoại, tọa đàm, hội thảo, hội thi...; xây dựng hoạt động năng lực cung cấp dịch vụ khuyến nông chuyên nghiệp, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường tại tỉnh Lào Cai và hỗ trợ khuyến nông thí điểm thực hiện một số gói dịch vụ điểm bằng nguồn kinh phí ngân sách sự nghiệp. Các địa phương giao nhiệm vụ, hoặc đặt hàng Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện thực hiện công tác hỗ trợ tổ chức, cá nhân trên địa bàn áp dụng, tiếp cận các chính sách và kỹ thuật sản xuất nông nghiệp.

Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp xây dựng các mô hình liên kết sản xuất hàng nông sản theo hợp đồng 3 bên “Doanh nghiệp - Nông dân - Khuyến nông”; giới thiệu các sản phẩm, thiết bị ứng dụng công nghệ mới và an toàn sinh học đến người dân trên địa bàn tỉnh.

- Đa dạng hóa các hình thức thực hiện như: Tư vấn trực tiếp; thông qua đào tạo, tập huấn, đối thoại, diễn đàn, tọa đàm... Tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông; Tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng.

- Đẩy mạnh hoạt động tư vấn và dịch vụ khác xuất phát từ nhu cầu của sản xuất, thị trường và định hướng phát triển nông nghiệp của tỉnh.

- Tranh thủ mọi nguồn lực thực hiện chương trình khuyến nông thông qua liên kết với các Viện, Trường, các Trung tâm nghiên cứu và các tổ chức quốc tế để tiếp nhận tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, kinh nghiệm phục vụ sản xuất đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn trong thời kỳ hội nhập.

Các hoạt động tư vấn dịch vụ khác thực hiện thông qua hợp đồng.

2.5. Giải pháp về cơ chế chính sách

- Về hoạt động Thông tin tuyên truyền và Đào tạo, tập huấn: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí theo Quyết định của UBND tỉnh Lào Cai (số 71/2016/QĐ-UBND, ngày 24/8/2016 và số 3398/QĐ-UBND, ngày 11/10/2016); Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017; Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai;

- Về xây dựng và nhân rộng mô hình, dự án khuyến nông: Thực hiện Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông; Thông tư số 75/2019/TT-BTC, ngày 4/11/2019 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông; các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai (số 07/2020/NQ-HĐND, ngày 10/7/2020, của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai, Quy định một số mức chi cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai, ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Số 07/2017/NQ-HĐND, ngày 17/7/2017, về quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự công lập thuộc tỉnh Lào Cai); Quyết định số 66/2016/QĐ-UBND, ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh Lào Cai, ban hành Quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức và viên chức tỉnh Lào Cai; Các định mức kinh tế kỹ thuật, các văn bản quản lý tài chính quy định hiện hành có liên quan (của Bộ Nông nghiệp và PTNT, các Viện, Trường, cơ quan chuyên môn có thẩm quyền) và mức hỗ trợ theo phê duyệt dự án, mô hình hàng năm (về giống, vật tư khác, chi phí giới thiệu SP, tập huấn kỹ thuật, hội nghị tổng kết đánh giá nhân rộng, quản lý giám sát MH theo định mức KTKT quy định...).

- Về Tư vấn, dịch vụ và Hợp tác quốc tế: Triển khai thực hiện Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 28/8/2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ và Quyết định số 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020 – 2030; Triển khai thực

hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đúng theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ; Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai, ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Nghiên cứu, bổ sung các cơ chế, chính sách về khuyến nông theo hướng tăng cường áp dụng các phương pháp khuyến nông mới, đẩy mạnh khuyến nông công nghệ cao; đồng thời xây dựng bổ sung các chính sách khuyến nông xã hội (hợp tác công tư, đối tác công tư, tư vấn dịch vụ khuyến nông...) nhằm huy động, thu hút nguồn lực và sự tham gia của doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong hoạt động khuyến nông.

2.6. Giải pháp về nguồn vốn

- Ngân sách nhà nước được bố trí đảm bảo để thực hiện chương trình khuyến nông trên cơ sở kế hoạch, dự toán hàng năm được UBND tỉnh, UBND cấp huyện phê duyệt.

- Kinh phí thực hiện chương trình khuyến nông được sử dụng từ các nguồn vốn:

- + Dự án khuyến nông trung ương/Bộ Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm khuyến nông quốc gia: Đề xuất và được Bộ phê duyệt giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng chủ trì ít nhất 01 dự án về phát triển sản xuất liên kết vùng);

- + Nguồn vốn ngân sách (cấp tỉnh, cấp huyện); Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình dự án khác...

- + Nguồn vốn hỗ trợ, tài trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức Phi chính phủ: Great, SNV, Oxfam...;

- + Nguồn vốn đối ứng của doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác, nông dân và nguồn vốn huy động hợp pháp khác (nếu có).

IV. KHÁI TOÁN KINH PHÍ

1. Tổng kinh phí thực hiện chương trình: 229.510 triệu đồng; *Trong đó:*

- Kinh phí khuyến nông trung ương: 8.820 triệu đồng;

- Kinh phí Chương trình MTQG: 34.048 triệu đồng;

- Kinh phí ngân sách địa phương: 53.842 triệu đồng.

- Kinh phí do các tổ chức phi chính phủ (hợp tác quốc tế) tài trợ: 2.000 triệu đồng.

- Kinh phí do các doanh nghiệp, HTX ... và nông dân đối ứng: 130.800 triệu đồng.

2. Phân kỳ đầu tư nguồn ngân sách

- Năm 2022: 23.434 triệu đồng;
- Năm 2023: 23.686 triệu đồng;
- Năm 2024: 25.334 triệu đồng.
- Năm 2025: 26.256 triệu đồng.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác khuyến nông.
- Phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan huy động và bố trí nguồn vốn để thực hiện chương trình; Bảo đảm kinh phí thực hiện các chính sách khuyến nông trên địa bàn tỉnh theo đúng các quy định tại Nghị định 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 về khuyến nông; Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND, ngày 10/7/2020, của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai, Quy định một số mức chi cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Lào Cai.
- Chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông và dịch vụ nông nghiệp tỉnh xây dựng kế hoạch, dự toán khuyến nông hàng năm, gửi các sở ngành có liên quan thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt trước ngày 30 tháng 11 hàng năm và công bố theo quy định.
- Chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan hướng dẫn UBND các huyện, thành phố xây dựng, phê duyệt kế hoạch, dự toán khuyến nông hàng năm; thẩm định các dự án về nông lâm ngư nghiệp theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật.
- Lập dự toán chi tiết gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh theo quy định.
- Hàng năm tổ chức sơ, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hoạt động khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Các Sở ngành liên quan

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở ngành liên quan thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch, dự toán kinh phí hoạt động khuyến nông, cân đối, bố trí nguồn kinh phí hàng năm; tham gia thẩm định các dự án, mô hình và nghiệm thu quyết toán theo quy định hiện hành.
- Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, ngành liên quan tham mưu cho UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn bảo đảm thực hiện chương trình, kế hoạch khuyến nông theo đúng quy định; tham gia thẩm định các dự án, nội dung thuộc thẩm quyền cấp tỉnh quyết định trong kế hoạch hàng năm.

- Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh lựa chọn nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ về nông nghiệp và PTNN và hỗ trợ bảo hộ nhãn hiệu các sản phẩm nông nghiệp để góp phần thực hiện chương trình khuyến nông.

- Các cơ quan thông tin truyền thông đại chúng (Báo Lào Cai, Đài phát thanh và truyền hình tỉnh và các huyện, thành phố) các tổ chức đoàn thể phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và PTNT tuyên truyền về công tác khuyến nông.

3. UBND các huyện, thành phố

- Chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện xây dựng dự toán, kế hoạch khuyến nông hàng năm trình, thẩm định, phê duyệt, công bố và chỉ đạo thực hiện theo đúng quy định.

- Định kỳ và hàng Quý tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện công tác khuyến nông, gửi Sở Nông nghiệp và PTNT (Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp) tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền đúng quy định.

4. Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, HTX tham gia các hoạt động khuyến nông và chuyển giao khoa học công nghệ

Căn cứ chương trình chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Trung tâm Khuyến nông và DVNN tỉnh) và UBND các huyện, thành phố (Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện) triển khai thực hiện hiệu quả chương trình này.

Trong quá trình thực hiện Chương trình khuyến nông tỉnh Lào Cai giai đoạn 2022-2025, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, hợp tác xã, kịp thời có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lào Cai để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.